TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2026/DS-PT
Ngày: 05/02/2026
V/v tranh chấp: "Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt.

Bà Nguyễn Ái Đoan.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Nam - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 785/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp *"Đòi tài sản"*;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 136/2025/DS-ST, ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1478/2025/QĐ-PT ngày 12/12/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Tô Thị Kiều N, sinh năm 1975; (có mặt)
Địa chỉ: Số B M, Khu phố B, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;
Nay là: 209/1 M, khu phố B, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N:
Lê Văn S, sinh năm 1965; (có mặt)
Địa chỉ: Số D N, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;
Nay là: 456/1 Nguyễn Thị T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Tấn L, sinh năm 1990; (có mặt)
Hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
Nay là: Ấp 3, xã Thạnh Phú, tỉnh Đồng Tháp;
Tạm trú: Khu phố C, phường M, tỉnh Đồng Tháp;
Địa chỉ: Số H, khu phố B, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp anh L:
Luật sư Trần Thanh K - Văn phòng Luật sư Trần Thanh K - Đoàn Luật sư Thành phố H; (có mặt)
Địa chỉ: 3 X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975; (có mặt)
Địa chỉ: Số 6/173C, Khu phố 1, Phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
Nay là: Số 6/173C, Khu phố 1B, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền anh B:
Lê Thị M, sinh năm 1947; (có mặt)
Địa chỉ: Số 83/9, Khu phố 2, Phường 1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
Nay là: số 83/9, khu phố 2, phường Mỹ Phước Tây, tỉnh Đồng Tháp.

*. *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Tấn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Tô Thị Kiều N trình bày: Khoảng giữa tháng 10/2019, anh B có hỏi mượn của chị N số tiền là 350.000.000 đồng để về đãi đám. Lúc này, chị N có giữ hộ giùm chị Mỹ N1 (vợ của anh B, là em ruột của chị N) số tiền là 400.000.000 đồng nên chị N đồng ý cho mượn. Sau đó, anh B có kêu anh L qua lấy tiền nên chị N đưa tiền cho anh L;

Sau khi chị N đưa tiền cho anh L thì một lúc sau anh B có điện thoại cho chị N để xác nhận là đã nhận được số tiên nói trên. Nhưng trong quá trình giải quyết của vụ án trước thì anh B lại nói là không có nhận tiền từ anh L nên từ đó xác định anh L là người đang giữ số tiền 350.000.000 đồng này vì vậy anh L có trách nhiệm trả lại cho chị N số tiền 350.000.000đồng;

Nguyên đơn xác định số tiền này không có liên quan đến chị Tô Thị Kiều Mỹ N1;

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Là phần nhận định tại các bản án 90/2022/DS-ST ngày 27/9/2022; bản án 270/2023/DS-PT ngày 09/5/2023; lời thừa nhận của anh L tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm. Tại hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm đều có thể hiện nội dung việc anh L xác định có nhận tiền từ chị N và anh L không có ý kiến gì đối với nội dung của hai bản án nêu trên. Khi tham gia phiên tòa, anh L cũng không có ý kiến phản bác gì đối với nội dung này;

Nay chị Tô Thị Kiều N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Buộc anh Nguyễn Tấn L phải trả lại cho chị Tô Thị Kiều N số tiền là 350.000.000 đồng.

*. *Bị đơn Nguyễn Tấn L trình bày:* Anh Nguyễn Tấn L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì từ trước đến nay, anh L chỉ hỗ trợ chị Mỹ N1 đưa tiền cho chị N giữ giùm. Anh L chưa bao giờ lấy tiền từ chị N để đưa cho chị Mỹ N1 hay anh B. Trong bản tự khai trước đây, anh L có nói là có nhận số tiền 350.000.000 đồng từ chị N để đưa cho anh B và chị Mỹ N1 nhưng đó là do tên của hai người này giống nhau nên anh L có sự nhầm lẫn. Số tiền mà nguyên đơn đang yêu cầu không có liên quan đến chị Tô Thị Kiều Mỹ N1 (đã chết).

**. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh B; đại diện theo ủy quyền của anh B là bà Lê Thị M trình bày:*

Anh Nguyễn Thanh B không có nhận bất cứ số tiền nào từ anh L đưa cho anh B. Anh B cũng không có điện thoại cho chị N để hỏi mượn số tiền 350.000.000 đồng. Chị Mỹ N1 (đã chết) cũng không có liên quan gì đến số tiền này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2025/DS-ST, ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ các Điều 5, khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 164, Điều 166, Điều 179 và Điều 580 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tô Thị Kiều N.

Buộc anh Nguyễn Tấn L phải có nghĩa vụ trả cho chị Tô Thị Kiều N số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Tô Thị Kiều N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Tấn L chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Tấn L chịu 17.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho chị Tô Thị Kiều N 8.750.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018576 ngày 08/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 22/9/2025, bị đơn Nguyễn Tấn L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với nội dung đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn anh Nguyễn Tấn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Tấn L đã đưa ra nhiều luận cứ xác định anh L không có nhận tiền từ chị Kiều N vào tháng 10/2019 và nhiều luận cứ khác nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng đưa ra nhiều luận cứ như án sơ thẩm đã nhận định và đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tô Thị Kiều N thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Đòi tài sản" được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo đề ngày 22/9/2025 và biên lai nộp tạm ứng án phí ngày 01/10/2025 của người kháng cáo thì người kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Tấn L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của anh Nguyễn Tấn L, anh L cho rằng*: "Lời khai trong Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và Bản án dân sự phúc thẩm số 270/2023/DS-PT ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang là do anh L khai nhầm do tên của chị Mỹ N1 và chị Kiều N giống nhau. Anh L chỉ hỗ trợ chị Mỹ N1 đưa tiền cho chị N giữ giùm, anh L chưa bao giờ lấy tiền từ chị N để đưa cho chị Mỹ N1 hay anh B nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn"*;

Căn cứ vào biên bản phiên tòa dân sự sơ thẩm ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và biên bản phiên tòa ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Tấn L cho rằng anh L không có nhận số tiền 350.000.000 đồng từ chị Kiều N và cũng không có giao số tiền 350.000.000 đồng cho anh Nguyễn Thanh B.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại biên bản hòa giải ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Cai lậy, tỉnh Tiền Giang: *"Việc chị Tô Thị Kiều N khai có nhờ anh L đem 350.000.000*

đồng cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh B và chị Tô Thị Kiều Mỹ N1 mượn là đúng";

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/9/2022, anh L khai nhận số tiền này là tiền vợ chồng chị Mỹ N1 mượn của chị N để làm đám và sau đó nghe nói đã trả. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/4/2023, khi được hỏi, anh L tiếp tục xác nhận: *"Có trình bày như vậy"*;

Do đó có cơ sở xác định anh Nguyễn Tấn L có nhận số tiền 350.000.000 đồng từ chị Tô Thị Kiều N vào tháng 10/2019;

Anh Nguyễn Tấn L cho rằng lời khai của anh tại các biên bản và phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đã xử trước đây là có sự nhầm lẫn giữa chị Mỹ N1 và chị Kiều N là không có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận luận cứ này của anh L là có căn cứ;

Ngoài ra, tại lời khai của chị Kiều N: *"Sau khi chị N đưa tiền cho anh L thì một lúc sau anh B có điện thoại cho chị N để xác nhận là đã nhận được số tiên nói trên. Nhưng trong quá trình giải quyết của vụ án trước thì anh B lại nói là không có nhận tiền từ anh L nên từ đó xác định anh L là người đang giữ số tiền 350.000.000 đồng này vì vậy anh L có trách nhiệm trả lại cho chị N số tiền 350.000.000 đồng";*

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Tô Thị Kiều N thừa nhận sau khi giao tiền cho anh L thì một lúc sau anh B có điện thoại xác nhận là anh B đã nhận tiền từ anh L do đó có căn xác định trách nhiệm giao tiền của anh L đã xong;

Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh L phải có nghĩa vụ trả lại cho Kiều N số tiền 350.000.000 đồng là không có căn căn cứ;

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tấn L cho nên cần sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Tấn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Áp dụng Điều 166 và Điều 688 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tấn L;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 136/2025/DS-ST, ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B - tỉnh Đồng Tháp;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tô Thị Kiều N về việc anh Nguyễn Tấn L phải có nghĩa vụ trả cho chị Tô Thị Kiều N số tiền 350.000.000 đồng;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tô Thị Kiều N phải chịu 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị N đã nộp là 8.750.000đồng theo biên lai thu số 0018576 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) nên chị N còn phải nộp tiếp số tiền 8.750.000đồng (tám triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng);

Anh Nguyễn Tấn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Tấn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên trả anh Nguyễn Tấn L số tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003123 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

. Nơi nhận:
- TANDTC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực B;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Vĩnh Hữu